|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /TB-ĐHTN | *Đắk Lắk, ngày tháng 04 năm 2023* |

**THÔNG BÁO**

**TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2023**

 Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

 Căn cứ Quyết định số 981/QĐ-ĐHTN ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

 Căn cứ Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tây Nguyên;

 Trường Đại học Tây Nguyên thông báo kế hoạch tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2023 như sau:

1. **CÁC NGÀNH TUYỂN SINH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngành đào tạo** | **Mã ngành** | **Chương trình đào tạo** | **Chỉ tiêu****(dự kiến)** |
| 4 | Kinh tế nông nghiệp | 8620115 | Định hướng ứng dụng | 15 |
| 10 | Quản lý kinh tế | 8310110 | Định hướng ứng dụng | 32 |

 **II. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN**

**1. Điều kiện về văn bằng người dự tuyển phải đảm bảo điều kiện sau**

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển;

b) Trường hợp người dự tuyển đã có bằng tốt nghiệp đại học hoặc quyết định công nhận tốt nghiệp đại học hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học (tạm thời) thuộc các ngành cần bổ sung kiến thức phải hoàn thành việc học và thi các học phần bổ sung kiến thức trước khi xét tuyển. *(Danh mục các ngành phù hợp và ngành cần học bổ sung kiến thức theo Phụ lục 2 của thông báo này)(1).*

**2. Điều kiện về ngoại ngữ**

 Có năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp đã được Cục Quản lí chất lượng – Bộ giáo dục và Đào tạo công nhận.

b) Đã tốt nghiệp đại học tại Trường Đại học Tây Nguyên từ năm 2021 trở lại đây, chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển *(xem tại phụ lục 1 của thông báo này)*

d) Đạt kết quả trong kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào đối với người dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ do Trường Đại học Tây Nguyên tổ chức.

e) Thí sinh dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ thứ 2 theo qui định của Trường.

***Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b mục 1 và các điểm a, b, c mục 2 của thông báo này, phải đăng ký học bổ sung kiến thức và tham gia thi đánh giá năng lực ngoại ngữ trong kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào đối với người dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ do Trường Đại học Tây nguyên tổ chức*.**

**III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO**

1. **Phương thức tuyển sinh**

 Xét tuyển, xét tuyển và kết hợp với thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào đối với các thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

 **2. Hình thức và thời gian đào tạo**

 - Hình thức đào tạo: chính qui

 - Thời gian đào tạo: 02 năm (24 tháng)

**3. Học phí**

 - Học phí thu theo qui định của Trường Đại học Tây Nguyên.

 - Lộ trình tăng học phí từng năm thực hiện theo qui định**.**

**IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ VÀ LỆ PHÍ DỰ TUYỂN**

 **1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển**

 a) Phiếu đăng ký dự tuyển *(mẫu số 01)*

 b) Sơ yếu lý lịch *(mẫu số 02)* có xác nhận của cơ quan quản lý *(đối với thí sinh được cơ quan cử đi học)*, chính quyền địa phương nơi cư trú *(đối với thí sinh tự do)*.

 c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm có chứng thực.

 d) Công văn giới thiệu đi dự tuyển của thủ trưởng cơ quan quản lý *(không yêu cầu đối với thí sinh tự do)*.

 đ) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do bệnh viện đa khoa cấp, thời gian không quá 06 tháng.

 e) Bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động dài hạn chờ tuyển dụng để chứng nhận thời gian thâm niên công tác (*nếu có*).

 g) Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (*nếu có*).

 h) 02 ảnh màu cỡ 3 × 4 *(mới nhất, chụp không quá 03 tháng)*, mặt sau ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm sinh.

 **2. Lệ phí dự tuyển**

 - Phí đăng ký xét tuyển : 400.000đ/ hồ sơ dự tuyển.

 - Lệ phí tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào: 500.000đ/thí sinh

 - Hồ sơ và lệ phí đã nộp không hoàn trả lại.

 **V. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH**

 1. Nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển từ ngày ra thông báo đến hết ngày 15/6/2023

 2. Thời gian học chuyển đổi: Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 30/6/2023

 3. Thời gian tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) đầu vào ngày 01-02/7/2023.

 4. Thời gian công bố kết quả xét tuyển: dự kiến ngày 14/7/2023.

5. Thời gian nhập học (dự kiến):7/2023

 **VI. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP HỒ SƠ**

Hồ sơ đăng ký và mọi chi tiết khác có liên quan xin liên hệ: Phòng Truyền thông và Tư vấn tuyển sinh, Trường Đại học Tây Nguyên, 567 Lê Duẩn, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

 Điện thoại hot line: 0965.16.44.45

 Website: tuyensinh.ttn.edu.vn

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:*** * Các đơn vị liên quan;
* Đăng Website Trường ĐHTN;
* Lưu: VT, ĐT.
 |  **HIỆU TRƯỞNG** |

**PHỤ LỤC 1**

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường

**(***Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHTN ngày tháng 04 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ngôn ngữ** | **Chứng chỉ****/Văn bằng** | **Trình độ/Thang điểm** |
| **Tương đương Bậc 3** | **Tương đương Bậc 4** |
| 1 | Tiếng Anh | TOEFL iBT | 30 - 45 | 46 - 93 |
| TOEFL ITP | 450-499 |  |
| IELTS | 4.0 - 5.0 | 5.5 - 6.5 |
| Cambridge Assessment English | B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159 | B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160-179 |
| TOEIC (4 kỹ năng) | Nghe: 275-399Đọc: 275-384Nói: 120-159Viết: 120-149 | Nghe: 400-489Đọc: 385-454Nói: 160-179Viết: 150-179 |
| 2 | Tiếng Pháp | CIEP/Alliance française diplomas  | TCF: 300-399Văn bằng DELF B1Diplôme de Langue | TCF: 400-499Văn bằng DELF B2Diplôme de Langue |
| 3 | Tiếng Đức | Goethe - Institut  | Goethe-Zertifikat B1 | Goethe-Zertifikat B2 |
| The German TestDaF language certificate | TestDaF Bậc 3 (TDN 3) | TestDaF Bậc 4 (TDN 4) |
| 4 | Tiếng Trung Quốc | Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) | HSK Bậc 3 | HSK Bậc 4 |
| 5 | Tiếng Nhật | Japanese Language Proficiency Test (JLPT) | N4 | N3 |
| 6 | Tiếng Nga | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному | ТРКИ-1 | ТРКИ-2 |

*Ghi chú: chứng chỉ ngoại ngữ áp dụng cho tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ trong thời hạn 02 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi hoặc ngày hoàn thành hồ sơ bảo vệ luận văn/đề án tốt nghiệp thạc sĩ, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận./*